

PHỤ LỤC 02
BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CÔNG BỐ THÁNG 6/2022
 (Kèm theo Văn bản số: /SXD-KTVLXDQLN&TTBĐS ngày tháng 6 năm 2022 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: VND

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)													GHI CHÚ	
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh		Cát Tiên
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I. GẠCH CÁC LOẠI																		
GẠCH TUY NEN																		
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Báo giá số 140 /2022/CV-Cty ngày 05/5/2022.Đơn giá được áp dụng từ ngày ký (ngày 05/5/2022) đến khi có thông báo mới của Cty																	
Gạch Tuynel Hiệp Thành				Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng														
Gạch ống 6 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	1.620															
Gạch ống 6 lỗ tròn (7x 10x17) cm	viên	nt																
Gạch ống 4 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	nt	1.130															
Gạch ống 2 lỗ tròn (7,5x4x17,5) cm	viên	nt	921															
Gạch Tuynel Thanh Mỹ				Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xí nghiệp gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng														
Gạch ống 6 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	QCVN 16:2019/BXD																
Gạch ống 6 lỗ tròn (7x 10x17) cm	viên	nt	1.109															
Gạch ống 4 lỗ tròn (7,5x11x17,5) cm	viên	nt																
Gạch ống 2 lỗ tròn (7,5x4x17,5) cm	viên	nt	847															
II. ĐÁ CÁC LOẠI																		
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Báo giá số 77 /2022/CV-Cty ngày 01/4/2022.Đơn giá được áp dụng từ ngày ký (ngày 01/4/2022) đến khi có thông báo mới của Cty																	
Đá 1x2 qua Col VSI	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Đơn giá tại nơi sản xuất- mỏ đá Tây Đại Lão, thôn 5, xã Đại Lão, Tp Bảo Lộc đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của người mua tại kho của bên bán..														
Đá 1x2 cm	m ³	nt	336.364															
Đá 2x4 cm	m ³	nt																
Đá 0x4 cm	m ³	nt	200.000															
Đá 4x6. Đá 5x7	m ³	nt	201.818															
Đá Loca (≤50cm)	m ³	nt	127.273															
Đá bột (mì bột)	m ³	nt	177.273															

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ		
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên			
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Đá bột (mi bột)	m ³	nt			163.636	Mỏ đá Cam Ly: Đường Nguyễn Đình Quân-Phường 5-TP Đà Lạt, đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của người mua tại kho của bên bán.													
	Đá Dmax 40-100 mm	m ³	nt	201.818																
2	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063. Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/5/2022, áp dụng giá bán từ tháng 6/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																			
	Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, huyện Đơn Dương																			
	Đá Loka	m ³	QCVN 16:2019/BXD	280.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển														
	Đá 1x2	m ³		380.000																
	Đá 2x4	m ³		370.000																
	Đá 0x4 qua Col	m ³		340.000																
	Đá 4x6	m ³		310.000																
	Đá 5x7	m ³		310.000																
3	Công ty TNHH Hà Thanh, địa chỉ: Phúc Thọ 2, Tân Hà, huyện Lâm Hà. Tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.906789. Theo Bảng báo giá các loại đá xây dựng Quý II năm 2022 ngày 30/3/2022 của Công ty TNHH Hà Thanh																			
	Đá mi sàng	m ³	QCVN 16:2019/BXD	227.272		Giá bán tại mỏ đá Tân Hà huyện Lâm Hà chưa bao gồm cước vận chuyển														
	Đá 1x1.8	m ³		345.454																
	Đá Dmax 25/0x25	m ³		272.727																
	Đá Dmax 3,75/0x4	m ³		254.545																
	Đá 2x4	m ³		290.909																
	Đá 1x2	m ³		318.181																
	Đá 4x6	m ³		272.727																
	Đá 5x7	m ³	272.727																	
4	Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát. Địa chỉ Công ty: Thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng. Địa điểm nơi sản xuất: mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng. Theo Thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 25/3/2022 của Công ty.																			
	Đá 0x4 cm	m ³	QCVN 16:2019/BXD	218.182		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng: tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh. Tỉnh Lâm Đồng														
	Đá 0x2.5 cm	m ³	nt	245.455																
	Đá 0,5 x1cm	m ³	nt	218.182																
	Đá 5x7 cm	m ³	nt	218.182																
	Đá 2x4 cm	m ³	nt	290.909																
	Đá 1x2 cm	m ³	nt	290.909																
5	Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918.741.189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2022 đến khi có báo giá mới.																			
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội					Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng														
	Sỏi dăm 5x20mm	m ³	QCVN 16:2019/BXD	350.000															400.000	
	Sỏi dăm 5x10mm	m ³	nt	350.000															400.000	
	Sỏi dăm 10x40mm	m ³	nt	350.000															400.000	
6	Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2022 đến khi có báo giá mới.																			
	Đá dăm được nghiền từ sỏi cuội																			

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ	
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Sỏi dăm 5x20mm	m ³	QCVN 16:2019/BXD	350.000		Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng										400.000			
	Sỏi dăm 5x10mm	m ³	nt	350.000												400.000			
	Sỏi dăm 10x40mm	m ³	nt	350.000												400.000			
III	VẬT LIỆU CÁT																		
1	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063. Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/5/2022, áp dụng giá bán từ tháng 6/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																		
	Cát nhân tạo (nghiên qua Col)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	510.000		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm huyện Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển													
2	Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT:0977.372.507, địa điểm sản xuất tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 cho đến khi có báo giá mới.																		
	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m ³	QCVN 16:2019/BXD																
	Cát bê tông	m ³	nt	300.000		Đơn giá tại mỏ cát suối Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh										355.000			
	Cát xây	m ³	nt	300.000												355.000			
3	Công ty TNHH Vitrac Lâm Đồng, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0918.741.189, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2022 đến khi có báo giá mới.																		
	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m ³	QCVN 16:2019/BXD																
	Cát bê tông	m ³	nt	300.000		Đơn giá mỏ cát lòng sông Đạ Huoai, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng										350.000	350.000		
	Cát xây	m ³	nt	300.000												350.000	350.000		
4	Công ty TNHH Sáng tạo và Phát triển DH, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT: 0948398398, địa điểm sản xuất tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, theo Bảng báo giá của Công ty có hiệu lực từ 01/01/2022 đến khi có báo giá mới.																		
	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	m ³	QCVN 16:2019/BXD																
	Cát bê tông	m ³	nt	300.000		Đơn giá tại mỏ cát lòng sông Đạ Quay, thôn 11, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng										355.000			
	Cát xây	m ³	nt	300.000												355.000			
IV	ĐẤT SAN LẤP																		
	Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Tuyền, thôn 3, xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, số ĐT:0977.372, theo bảng báo giá của Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 cho đến khi có báo giá mới.																		
	Đất cấp II	m ³		35.000												85.000		Theo khối lượng được phép khai thác tận dụng	
	Đất cấp III	m ³		49.000												100.000			
V	BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG																		

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ	
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên		
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Mộ đá Hùng Vương, Tam Bó, Di Linh .Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0919.706.065.Theo Bảng báo giá Bê tông nhựa nóng ngày 31/5/2022 của Công ty.																		
	1. Trạm trộn Tam Bó - Di Linh					Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình													
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.565.000															
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.610.000															
	2. Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình													
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.615.000															
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.660.000															
	3.Trạm trộn Liêng Srôn-Đam Rông					Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình													
	Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn		1.665.000															
	Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 12.5	đồng/tấn		1.710.000															
VI	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM																		
1	Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888, theo Báo giá số 77 /2022/CV-Cty ngày 01/4/2022.Đơn giá được áp dụng từ ngày ký (ngày 01/4/2022) đến khi có thông báo mới của Cty																		
	Các trạm bê tông					Tại trạm trộn Đà Lạt	Chi phí vận chuyển bê tông và thiết bị bơm bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quân- Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.												
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.277.778													
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.324.074													
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.370.370													
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.416.667													
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.472.222													
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³				1.537.037													
	Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m ³				1.671.296													
	Chi phí bơm bê tông (Khối lượng ≤20m ³ /01 lần bơm): sử dụng bơm cần	lần				1.851.852													
	Chi phí bơm bê tông từ khối 21 (bơm cần).	lần				1.851.852 + (70.000 x từ khối 21)													
VII	Ống cống bê tông																		

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Công ty CP cấu kiện bê tông Quốc Vương, Địa chỉ :10 Thi Sách, Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng, điện thoại:0907.011.699.779 hoặc 0903.195.165. Theo báo giá số 1144/SXD-KTXD ngày 01/4/2022 của Công ty. Đơn giá có hiệu lực từ ngày 01/4/2022 đến khi có báo giá mới																	
	- Địa chỉ xưởng sản xuất 1: Km178 thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng.Tỉnh Lâm Đồng - Địa chỉ xưởng sản xuất 2:CN 11, KCN Lộc Sơn.TP Bảo Lộc.Tỉnh Lâm Đồng																	
	Đơn giá tại nhà xưởng sản xuất: thôn Hiệp Hòa, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng; và KCN Lộc Sơn.TP.Bảo Lộc (chưa bao gồm vận chuyển và phí cầu lên xe).																	
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-VH	mét		485.000				485.000				485.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-H10	mét		550.000				550.000				550.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 400-H30	mét		615.000				615.000				615.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-VH	mét		735.000				735.000				735.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-H10	mét		800.000				800.000				800.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 600-H30	mét		875.000				875.000				875.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-VH	mét		1.090.000				1.090.000				1.090.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-H10	mét		1.210.000				1.210.000				1.210.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 800-H30	mét		1.320.000				1.320.000				1.320.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-VH	mét		1.650.000				1.650.000				1.650.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-H10	mét		1.785.000				1.785.000				1.785.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1000-H30	mét		1.930.000				1.930.000				1.930.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-VH	mét		2.750.000				2.750.000				2.750.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-H10	mét		3.050.000				3.050.000				3.050.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1200-H30	mét		3.300.000				3.300.000				3.300.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-VH	mét		3.950.000				3.950.000				3.950.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-H10	mét		4.350.000				4.350.000				4.350.000						
	Ống cống bê tông rung ép Ø 1500-H30	mét		4.750.000				4.750.000				4.750.000						
2	Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.Theo Bảng Giá Vật liệu ngày 31/5/2022, áp dụng giá bán từ tháng 6/2022 của Công ty TNHH Hưng Nguyên.																	
	Ống cống ly tâm:																	
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012	1.440.000														

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-H10 , L=3m	mét	nt	1.580.000		Giá bán tại mô đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển												
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-H30 , L=3m	mét	nt	1.690.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-VH , L=3m	mét	nt	2.030.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H10 , L=3m	mét	nt	2.170.000														
	Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H30 , L=3m	mét	nt	2.280.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét	nt	2.910.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét	nt	3.190.000														
	Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	nt	3.400.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét	nt	3.980.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H10 , L=2,5m	mét	nt	4.500.000														
	Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H30 , L=2,5m	mét	nt	4.590.000														
VII Vật liệu cửa																		
1	Công ty TNHH TRẦN HOÀNG Đà Lạt. Địa chỉ: 218 Nguyễn Tử Lực, P8,Tp Đà Lạt. Xưởng sản xuất: 355 Nguyễn Tử Lực, P8.Tp Đà Lạt.Điện thoại:0935.913.923 (Mr.Thuận), theo báo giá ngày 01/01/2022 của Công ty																	
	Cửa nhựa lõi thép Sea Profile					Đơn giá đã thi công hoàn thiện, công trình tại tỉnh Lâm Đồng, đã tính vật tư phụ kiện kèm theo.												
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²				2.389.000												
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²				2.389.000												
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²				2.463.000												
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²				2.389.000												
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²				2.156.000												

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²									2.156.000							
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện GQ.Thanh nhựa SEA PROFILE, lõi thép 1,2mm	m ²									2.156.000							
	Cửa nhôm Xingfa German hệ 55																	
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m ²									3.198.000							
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m ²									3.198.000							
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 2mm	m ²									3.198.000							
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m ²									2.973.000							
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m ²									2.973.000							
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m ²									2.973.000							
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện Kinglong, thanh nhôm Xingfa 1,4mm	m ²									2.973.000							
	Cửa nhôm Germany hệ 900 và hệ 760																	
	Cửa đi 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m ²									3.898.000							

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ	Giá theo khu vực các huyện, thành phố (trước thuế VAT)														GHI CHÚ
				Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	
	A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Cửa đi 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m ²									3.898.000							
	Cửa đi 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.8mm	m ²									3.898.000							
	Cửa sổ 1 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m ²									3.473.000							
	Cửa sổ 2 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m ²									3.473.000							
	Cửa sổ 3 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m ²									3.473.000							
	Cửa sổ 4 cánh kính 8mm cường lực phụ kiện KINGLONG,DRAHOR thanh nhôm Germany 1.2mm	m ²									3.473.000							
	Cửa cuốn nhôm công nghệ Đức 10kg/1m2 Ausdow	m ²									2.650.000							